

## PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Đầu tư xây dựng đường cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai)– Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức PPP (đoạn qua xã Nam Cát Tiên)

(Niêm yết công khai, tổ chức lấy ý kiến)

### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

#### 1. Pháp lý chung:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 50/2025/VBHN-BNNMT ngày 28/8/2025 của Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường về việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025, Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường chi phí di chuyển tài sản; bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mồ mả khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

#### 2. Pháp lý dự án:



Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 10/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Đường cao tốc Tân Phú – Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức PPP;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Văn bản số 5786/BNNMT-QLĐĐ ngày 20/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn về căn cứ thu hồi đất, giao, cho thuê đất theo Luật Đất đai.

Căn cứ Văn bản số 3706/UBND-KTNS ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án xây dựng đường cao tốc Tân Phú – Bảo Lộc, đoạn qua tỉnh Đồng Nai.

## **II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc theo phương thức PPP ( đoạn qua xã Nam Cát Tiên). với tổng diện tích 50.000.000 m<sup>2</sup> thu hồi để thực hiện dự án. Chưa có phương án nào được phê duyệt.

Tổng 50 trường hợp có sử dụng đất trong phạm vi dự án tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong đó, Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đợt (đợt 1) đối với 51 trường hợp có sử dụng đất (trong đó có: 51 hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi và 0 hộ gia đình, cá nhân sở hữu tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, không đồng thời là chủ sử dụng đất), cụ thể:

### **1. Tổng diện tích thu hồi: 476.738,6 m<sup>2</sup>**

Trong đó:

+Đất do UBND xã Nam Cát Tiên quản lý gồm: DGT,DTL,BCS,SON: 24878.5 m<sup>2</sup> (Kèm theo danh sách thửa đất)

+Đất do Ban QLR phòng hộ Tân Phú quản lý : 219682.7 m<sup>2</sup> (Kèm theo danh sách thửa đất)

### **2. Tổng số người có đất thu hồi:**

Phương án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư người có đất thu hồi, trong đó:

- Tổ chức: 02 trường hợp.
- Hộ gia đình: 0 trường hợp.
- Cá nhân: 0 trường hợp.

### **3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:**

Dự án Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc theo phương thức PPP ( đoạn qua xã Nam Cát Tiên). (đợt 1) không có hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

**4. Phương án bố trí tái định cư:** Dự án Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc theo phương thức PPP ( đoạn qua xã Nam Cát Tiên). (đợt 1) không có hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

**5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi:**

Dự án Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc theo phương thức PPP ( đoạn qua xã Nam Cát Tiên). (đợt 1) không di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi.

**6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi**

Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc theo phương thức PPP ( đoạn qua xã Nam Cát Tiên). (đợt 1) không di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

**7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:**

- Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư được tính vào tổng mức đầu tư dự án đã được bố trí cho UBND tỉnh Lâm Đồng do Ban QLDA 1 làm chủ đầu tư với số tiền : 335,668 tỷ đồng

**8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:**

Việc tổ chức thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Xây dựng đầu tư xây dựng đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc theo phương thức PPP ( đoạn qua xã Nam Cát Tiên) thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai.

Triển khai công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai và Điều 25 Nghị định 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

**9. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:**

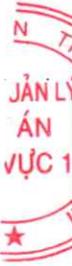
Kèm theo biểu tổng hợp và Phương án chi tiết của 51 hộ dân.

*Trong đó:*

a) Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản :

*Kèm theo danh sách*

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi;



*Kèm theo danh sách*

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại: không

d) Giá đất và tài sản tính bồi thường: không được bồi thường về đất

đ) Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác;

Căn cứ quy định các điều 19,20,21,22,23,24,25 của Nghị định 88/2024/NĐ-CP, Ban QLRPH Tân Phú không thuộc đối tượng được hỗ trợ.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: tiền bồi thường về đất, tiền bồi thường tài sản, tiền bồi thường chi phí di chuyển tài sản, tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, tiền hỗ trợ;

**\*Bồi thường về đất:**

-Đất do UBND xã Nam Cát Tiên quản lý gồm GTSS,CSD **thuộc trường hợp không được bồi thường về đất** theo quy định tại khoản 2 Điều 101, Điều 217 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15.

-Đất do Ban QLRPH Tân Phú quản lý: Có nguồn gốc Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất **thuộc trường hợp không được bồi thường về đất** theo quy định tại Khoản 1 Điều 101 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15.

**\*Bồi thường về cây trồng:**

-Căn cứ quy định tại điều 103 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15, các quyết định số 48/2025/QĐ-UBND, quyết định số 66/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai: đủ điều kiện bồi thường về cây trồng do Ban QLRPH Tân Phú quản lý . Trên cơ sở biên bản kiểm đếm đã được thành viên kí xác nhận, Ban QLDA khu vực 11 tính toán như sau (*kèm theo danh sách cụ thể*)

-Đối với đất các hộ dân nhận giao khoán có hoặc không có hợp đồng giao khoán, hiện trạng cây trồng không đúng với hợp đồng giao khoán với ban QLRPH hiện nay quyết định số 42/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh chưa có quy định về việc bồi thường, hỗ trợ do đó Ban QLDA khu vực 11 lập danh sách, báo cáo UBND tỉnh có hướng dẫn thực hiện. sau khi UBND tỉnh có hướng dẫn cụ thể, Ban QLDA khu vực 11 sẽ tiến hành tính toán giá trị, niêm yết công khai và trình UBND xã phê duyệt theo quy định.

**\* Tiền bồi thường chi phí di chuyển tài sản : không**

**\*Tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại**

- Ban QLRPH quản lý:

Căn cứ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 107 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15, đất do Ban QLRPH Tân Phú quản lý có nguồn gốc Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất do đó đủ điều kiện bồi thường chi phí đầu tư còn lại

Căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 17 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 quy định “Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại.”

Căn cứ Khoản 1 điều 6 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định: “Đối với đất nông nghiệp; mức bồi thường là 15.000 đồng/m<sup>2</sup> (không tính thời hạn sử dụng đất)”.

Quá trình kiểm đếm, ban QLRPH không cung cấp hồ sơ, chứng từ chứng minh do đó Chi phí đầu tư vào đất còn lại của Ban QLRPH : 21682.7 m<sup>2</sup> \* 15.000đ = 3.295.240.500 đồng (Viết bằng chữ: ba tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi ngàn năm trăm đồng)

g) Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không

h) Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không

i) Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không

k) Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có): Đất được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

l) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 5.351.796.695 đồng. (Viết bằng chữ: Năm tỷ ba trăm năm mươi một triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng)

m) Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có) : không

**10. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:**

Đối với khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai trừ vào tiền bồi thường đất (nếu có) được xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trên cơ



sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do Chi cục thuế khu vực Định Quán – Tân Phú xác định theo trình tự, thủ tục của pháp luật và quy định của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ban quản lý dự án khu vực 11 đề nghị UBND xã Nam Cát Tiên, UBMTTQVN xã Nam Cát Tiên, Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú có ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Thời gian niêm yết, lấy ý kiến 10 ngày kể từ ngày niêm yết, mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Ban quản lý dự án khu vực 11.

### **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC 11**



# DANH SÁCH THU HỒI THỬA ĐẤT DO UBND XÃ NAM CÁT TIÊN QUẢN LÝ

Dự án: Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc theo phương thức PPP

( đoạn qua xã Nam Cát Tiên) Địa chỉ: xã Nam Cát Tiên, Tỉnh Đồng Nai

Số TT	Thông tin thửa				Thông tin đất thu hồi theo biên bản đo đạc				
	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi trong ranh	DT thu hồi ngoài ranh (m <sup>2</sup> )
1	46	1006	3879.8	DGT	46	1006	3879.8	3879.8	0.0
2	46	1008	0.5	SON	46	1008	0.5	0.5	0.0
3	46	1014	290.7	DGT	46	1014	290.7	290.7	0.0
4	48	1001	1786.3	SON	48	1001	1786.3	1786.3	0.0
5	48	1003	75.0	SON	48	1003	75.0	75.0	0.0
6	48	1004	49.5	DTL	48	1004	49.5	49.5	0.0
7	48	1005	19.8	DGT	48	1005	19.8	19.8	0.0
8	48	1007	51.1	SON	48	1007	51.1	51.1	0.0
9	49	33	708.0	BCS	49	33	708.0	444.9	263.1
10	49	1002	817.4	SON	49	1002	817.4	817.4	0.0
11	52	1000	55.0	DGT	52	1000	55.0	55.0	0.0
12	52	1009	1190.5	SON	52	1009	1190.5	1190.5	0.0
13	52	1010	1138.6	DGT	52	1010	1138.6	1138.6	0.0
14	52	1011	286.7	SON	52	1011	286.7	286.7	0.0
15	52	1012	31.7	SON	52	1012	31.7	31.7	0.0
16	52	1013	285.7	DGT	52	1013	285.7	285.7	0.0
17	52	1015	173.7	DGT	52	1015	173.7	173.7	0.0
18	54	1002	6.5	DGT	54	1002	6.5	6.5	0.0
19	54	1009	2071.7	DGT	54	1009	2071.7	2071.7	0.0
20	54	1010	35.7	DGT	54	1010	35.7	35.7	0.0
21	54	1011	31	DGT	54	1011	31.0	31.0	0.0
22	54	1012	462.9	DGT	54	1012	462.9	462.9	0.0
23	54	1013	978.9	DGT	54	1013	978.9	978.9	0.0
24	66	1001	390.5	DGT	66	1001	390.5	390.5	0.0
25	66	1003	598.8	DGT	66	1003	598.8	598.8	0.0
26	66	1004	1202	SON	66	1004	1202.0	1202.0	0.0
27	66	1005	447.8	SON	66	1005	447.8	447.8	0.0
28	66	1006	503.4	SON	66	1006	503.4	503.4	0.0
29	66	1007	567.4	DGT	66	1007	567.4	567.4	0.0
30	66	1008	684	SON	66	1008	684.0	684.0	0.0
31	64	1003	547.2	DGT	64	1003	547.2	547.2	0.0
32	64	1005	304.5	SON	64	1005	304.5	304.5	0.0
33	64	1008	2846.7	SON	64	1008	2846.7	2846.7	0.0
34	64	1009	422.7	SON	64	1009	422.7	422.7	0.0
35	87	1001	178	DGT	87	1001	178.0	178.0	0.0
36	90	1000	365.3	DGT	90	1000	365.3	365.3	0.0
37	100	1002	392.6	SON	100	1002	392.6	392.6	0.0
38	100	1004	616.8	SON	100	1004	616.8	616.8	0.0

39	100	1006	367.3	DGT	100	1006	367.3	367.3	0.0	
40	100	1007	279.9	DGT	100	1007	279.9	279.9	0.0	
<b>Tổng</b>								<b>25141.6</b>	<b>24878.5</b>	

**BẢNG TỌNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG CỦA TÒ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (ĐỢT 1)**

Dự án: Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc theo phương thức PPP (đoạn qua xã Nam Cát Tiên).  
Địa chỉ: xã Nam Cát Tiên, Tỉnh Đồng Nai

Số TT	Mã số	Họ và tên	Thông tin liên hệ	Là chủ đất	Thông tin thửa				Thông tin đất thu hồi theo biên bản đo đạc					Giá trị bồi thường về cây trồng (đồng)	Hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại (đồng)
					Số từ	Số thửa	Vị trí thửa	Số GCN	DT thửa (m <sup>2</sup> )	Loại đất	DT thu hồi trong ranh (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi ngoài ranh (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp		
1	001	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	79	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	4,510.7	RSX	2,227.2	2,283.5	49.4	3,673,026.0	33,408,000
2	002	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	84	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	31,051.6	RSX	10,546.7	20,504.9	34	355,608,240.0	158,200,500
3	004	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	72	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	100,699.9	RSX	2,487.0	98,212.9	2.4	2,200,000.0	37,305,000
5	005	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	129	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	239.6	RSX	239.6	0.0	100		3,594,000
6	006	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	97	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	9,061.0	RSX	3,950.9	5,110.1	43.6	132,897,760.0	59,268,500
7	007	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	98	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	6,731.7	RSX	3,068.0	3,663.7	45.5	21,495,984.0	46,030,600
8	008	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	211	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	1,890.3	RSX	7.0	1,883.3	49.3	15,895,927.0	106,000
9	009	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	209	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	10,205.2	RSX	5,963.1	4,242.1		89,446,500	
10	010	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	201	xã Nam Cát Tiên	CT 20073	5,983.1	RSX	4,964.0	1,019.1	82.9	7,871,310.0	74,460,000
11	011	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	200		xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	5,830.5	RSX	5,051.8	778.7	86.6	5,862,750.0	75,777,000
12	012	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	205	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	17,628.6	RSX	188.1	17,440.5	1.1	3,330,120.0	2,821,500
13	014	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	208	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	279.8	RSX	1,820.5	2,796.3	39.4		27,307,500
14	015	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	138	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	24,569.1	RSX	4.9	24,468.1	0.41		73,500
15	016	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	202	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	279.8	RSX	101.0	24,468.1	0.41		1,515,000
16	017	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	214	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	13,628.5	RSX	6,193.8	7,434.7	45.4	2,523,858.0	92,907,000
17	018	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	206	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	2,968.9	RSX	1,719.4	1,249.5	91.3	25,791,000	25,791,000
18	019	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Đinh Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	207	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	12,274.4	RSX	7,735.0	45,394.0		116,025,000	116,025,000
					52	74	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	7,999.6	RSX	3,040.8	4,958.8	38	5,697,916.0	45,612,000
					75		xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	11,596.7	RSX	1,150.5	10,446.2	9.9	198,457,277.0	17,257,500



19	20	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	83,90,91	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	14,065.4	RSX	3,366.0	10,699.4	24.0	10,465,857.0	50,490,000
20	021	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	106	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	12,367.8	RSX	5,180.9	7,186.9	41.9	5,853,295.0	77,713,500
21	022	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	128	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	13,036.0	RSX	2,104.8	10,931.2	16.1	31,744,613.0	31,572,000
22	023	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	130	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	8,965.4	RSX	308.7	8,656.7	5.4	10,423,006.0	4,630,500
23	024	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	142	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	9,056.4	RSX	266.4	8,790.0	3	1,627,976.0	3,996,000
24	025	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	1	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	35,124.8	RSX	7,441.3	27,683.5	16.1	15,110,200.0	111,619,500
26	026	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	4	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	2,690.2	RSX	25,001.4			40,353,000	
27	027	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	5	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	10,772.5	RSX	6,647.2	4,125.3	61.7		99,708,000
28	028	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	6	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	7,656.7	RSX	177.0	7,479.7	2.3	1,079,300.0	2,655,000
29	029	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	25	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	59,266.2	RSX	6,722.6	52,544.0	15.5	231,952,364.0	100,839,000
30	030	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	34	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	30,303.8	RSX	7,178.1	23,125.7			107,671,500
31	031	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	66	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	43,847.7	RSX	8,053.7	35,794.0	18.3	9,722,812.0	120,805,500
32	032	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	67	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	31,911.8	RSX	2,033.9	29,877.9	7.2	2,166,026.0	30,508,500
33	033	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	52	73	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	25,613.8	RSX	4,407.4	21,206.4	17.2	13,166,177.0	66,111,000
34	034	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	137	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	2,304.8	RSX	50.5	2,254.3	2.2		757,500
35	035	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	141	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	13,412.5	RSX	3,415.6	9,996.9	25.4	10,132,760.0	51,234,000
36	036	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	146	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	9,863.0	RSX	2,187.3	7,675.7	22		32,809,500
37	037	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	142	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	9,756.8	RSX	1,368.6	8,388.2	14	45,262,778.0	20,529,000
	038	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	198	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	6,998.0	RSX	6,470.6	527.4	58.4		97,059,000
	039	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	199	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	6,309.2	RSX	1,306.9	5,002.3			19,603,500
	040	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	210	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	16,567.2	RSX	10,904.8	5,662.4	58.5	8,113,200.0	163,572,000
	041	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	212	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	4,249.7	RSX	1,333.8	2,915.9			20,007,000
	042	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	x	54	313	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	4,864.3	RSX	3,067.0	1,797.3	63		46,005,000

38	040	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	54	241	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	12,846.7	RSX	7,998.3	4,848.4	62.2	17,384,526.0	119,974,500
39	041	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	64	172	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	12,468.4	RSX	5,428.8	7,039.6	29.4	11,989,618.0	81,432,000
					64	154	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	23,195.3	RSX	5,074.1	18,121.2			
40	042	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	64	173	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	10,461.3	RSX	5,128.1	5,333.2	49	3,037,745.0	76,921,500
41	043	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	64	149	xã Nam Cát Tiên	BQ 24829	152,466.6	RSX	19,933.3	132,533.3	13.7	786,936,323.0	298,999,500
42	044	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	64	176	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	27,143.2	RSX	5,025.7	22,117.5	18.5		75,385,500
43	045	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	64	174	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	12,280.6	RSX	2,979.9	9,300.7	24.2		44,698,500
44	046	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	64	171	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	23,674.5	RSX	253.7	23,420.8	1	10,724,984.0	3,805,500
45	050	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	54	140	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	6,031.8	RSX	5,755.9	275.9	95.4	1,600,802.0	86,338,500
46	051	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	54	147	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	13,220.8	RSX	6,321.8	6,899.0	47.8	69,932,667.0	94,827,000
47	052	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	54	215	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	35,939.3	RSX	15.8	35,923.5	0.04		237,000
48	054	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	54	242	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	16,452.4		6,176.1	10,276.3	18	2,614,998.0	92,641,500
49	056	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	64	103	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	1,775.2	RSX	1,279.6	495.6	72.1		19,194,000
50	057	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	64	178	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	355.6	RSX	17.0	338.6	4.8		255,000
51	058	Ban Quản Lý rừng phòng hộ Tân Phú	ấp Phú Ngọc 3, xã Định Quan, tỉnh Đồng Nai	x	64	94	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	4,641.0	RSX	266.1	4,374.9	1.5	2,056,556,195.0	3,991,500
					64	82	xã Nam Cát Tiên	BQ 248295	46,754.9	RSX	511.7	46,243.2			
<b>TỔNG CỘNG</b>									<b>1,046,719.6</b>		<b>219,682.7</b>	<b>900,200.3</b>		<b>2,056,556,195.0</b>	<b>3,295,240,500</b>

5.351.796.695.0



